

UEB, VNU

## Chương 6

# Thương mại quốc tế và sự phát triển kinh tế

ThS. Vũ Thanh Hương  
Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế  
UEB - VNU

www.company.com

---

---

---

---

---

---

---

### Nội dung chính

- Mối quan hệ giữa thương mại quốc tế và sự phát triển kinh tế
- Điều kiện thương mại và sự phát triển kinh tế
- Các chiến lược phát triển kinh tế liên quan đến thương mại

www.company.com

---

---

---

---

---

---

---

### Phần 1: Mối quan hệ giữa TMQT và sự phát triển kinh tế

- Vai trò của TMQT đối với sự phát triển kinh tế
- Các lý lẽ ủng hộ bảo hộ thương mại
- Thực tiễn TMQT

www.company.com

---

---

---

---

---

---

---

Lý thuyết thương mại và sự phát triển

Lý thuyết thương mại giải thích các lợi ích của thương mại

- cần thiết và quan trọng trong hoạch định chính sách thương
- là cơ sở, nền tảng để phát triển thương mại trong thực tế mại quốc tế

Các nước cần vận dụng vào hoàn cảnh cụ thể của nước mình

---

---

---

---

---

---

---

---

Lý thuyết thương mại và sự phát triển (tiếp)

- Dựa vào lợi thế so sánh (lý thuyết David Ricardo, lý thuyết H-O)
  - Giải thích TMQT dựa trên sự khác biệt giữa các quốc gia
  - chuyên môn hóa
- Các nước đang phát triển: sản xuất và xuất khẩu nguyên vật liệu, nhiên liệu, khoáng sản, lương thực
- Các nước phát triển: sản xuất và xuất khẩu sản phẩm công nghiệp chế tạo
  - thu nhập thế giới tăng
  - các nước đều có lợi từ thương mại
- Nguồn lực được sử dụng hiệu quả

---

---

---

---

---

---

---

---

Lý thuyết thương mại và sự phát triển (tiếp)

- Dựa vào kinh tế nhờ quy mô (lý thuyết thương mại mới)
  - chuyên môn hóa
  - giảm chi phí sản xuất, tăng doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp
  - đa dạng hoá sản phẩm tiêu dùng
  - tăng thu nhập của thế giới và của mỗi quốc gia

---

---

---

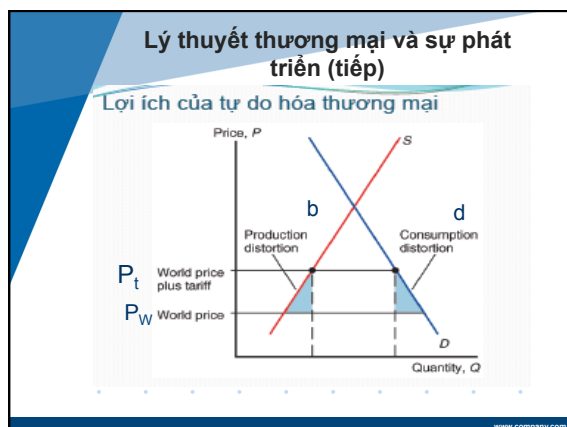
---

---

---

---

---




---

---

---

---

---

---

---

---

- ### Lợi ích khác từ tự do hóa TM
- Các lợi ích mang tính động
    - Sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong nước: Mở rộng khả năng sản xuất.
    - Phân công lao động hợp lý, nền kinh tế nhờ quy mô: Thị trường quốc tế rộng lớn, quy mô sản xuất lớn
    - Thúc đẩy chuyển giao công nghệ, kinh nghiệm quản lý sản xuất, marketing (thông qua nhập khẩu máy móc thiết bị...)
    - Tăng cạnh tranh -> thúc đẩy sáng tạo và đổi mới

---

---

---

---

---

---

---

---

- ### Lợi ích khác từ tự do hóa TM
- Các lợi ích mang tính động
    - Khuyến khích di chuyển vốn từ các nước phát triển sang các nước đang phát triển (thương mại là bước khởi đầu)
    - Kích thích sản xuất và tiêu dùng tại các nước đang phát triển (đặc biệt những nước có diện tích lớn và đông dân)
    - Người tiêu dùng được sử dụng sản phẩm đa dạng hơn
    - Là vũ khí chống độc quyền, tăng khả năng cạnh tranh

---

---

---

---

---

---

---

---

### Lý thuyết thương mại và sự phát triển (tiếp)

- ⇒ Lý thuyết TMQT giúp giải thích lợi ích của TMQT
- ⇒ Lý thuyết TMQT cần thiết và quan trọng trong hoạch định chính sách thương mại quốc tế

www.company.com

---

---

---

---

---

---

---

---

### Phần 1: Mối quan hệ giữa TMQT và sự phát triển kinh tế

Vai trò của TMQT đối với sự phát triển kinh tế

Các lý lẽ ủng hộ bảo hộ thương mại

Thực tiễn TMQT

www.company.com

---

---

---

---

---

---

---

---

### Lý lẽ “Bảo hộ làm tăng phúc lợi xã hội”

Đối với nước lớn áp dụng thuế nhập khẩu

Giảm giá hàng hóa trên thị trường thế giới

Điều kiện thương mại tăng (Terms of trade)

Phúc lợi xã hội có thể tăng lên nếu  $e > b+d$

Thuế suất tối ưu

www.com

---

---

---

---

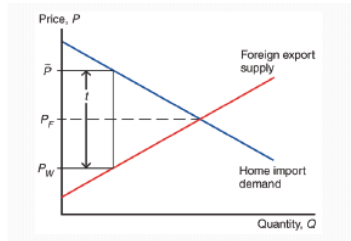
---

---

---

---

## Tác động của thuế đến giá đối với nước lớn




---

---

---

---

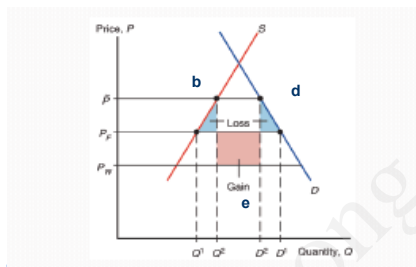
---

---

---

---

## Lợi ích thu được từ thuế quan




---

---

---

---

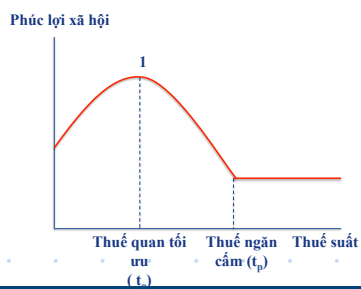
---

---

---

---

## Lý lẽ “Bảo hộ làm tăng phúc lợi xã hội” (tiếp)




---

---

---

---

---

---

---

---

### Hạn chế của lý lẽ “bảo hộ làm tăng phúc lợi xã hội”

- Chỉ áp dụng được đối với một số ít trường hợp: Các nước lớn, có khả năng tác động đến giá cả của thị trường thế giới
- Kể cả trong trường hợp nước lớn, việc áp thuế nhập khẩu có thể gặp phải hành động trả đũa và do đó không làm tăng phúc lợi xã hội.

Thuế nhập khẩu

→

Hành động trả đũa

www.company.com

---

---

---

---

---

---

---

---

### Lý lẽ “Khắc phục các thất bại của thị trường”

- ❖ Các thất bại của thị trường
  - Thất nghiệp do thất bại của thị trường lao động
  - Các hiệu ứng ngoại biên- ngoại ứng (externalities)
  - Độc quyền
  - Thông tin bất đối xứng

-> Áp dụng các biện pháp bảo hộ thương mại để khắc phục các thất bại của thị trường

www.company.com

---

---

---

---

---

---

---

---

### Lý lẽ “Khắc phục các thất bại của thị trường” (tiếp)

- ❖ Các hiệu ứng ngoại biên (externalities)
  - Ngoại ứng tiêu cực:
    - > Sản xuất với sản lượng lớn hơn sản lượng tối ưu
    - > Giải pháp: Quy định tiêu chuẩn sản xuất, hạn ngạch khí thải, công nghệ bắt buộc, thuế ô nhiễm.
  - Ngoại ứng tích cực:
    - > Sản xuất với sản lượng ít hơn sản lượng tối ưu
    - > Giải pháp: thuế quan, trợ cấp,...

www.company.com

---

---

---

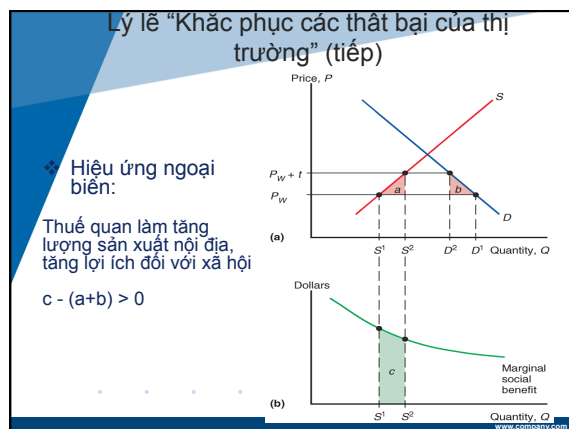
---

---

---

---

---




---

---

---

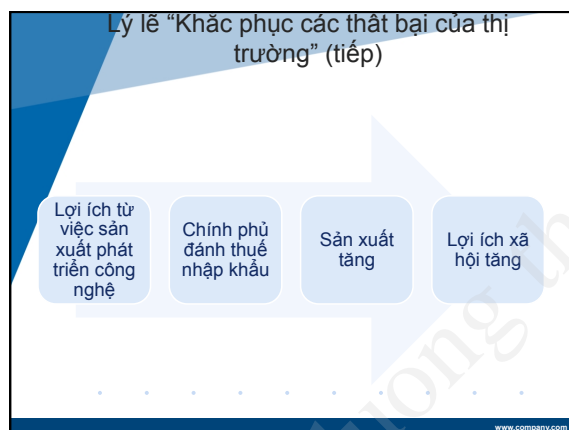
---

---

---

---

---




---

---

---

---

---

---

---

---

- Lý lẽ “Khắc phục các thất bại của thị trường” (tiếp)
- ❖ Độc quyền
- Nước nhập khẩu sử dụng công cụ bảo hộ thương mại để mở rộng nhập khẩu, giảm phụ thuộc vào nhà độc quyền nước ngoài tại thị trường nội địa
- ❖ Thông tin bất đối xứng
- Là tình huống mà một bên có lợi thế về thông tin hơn so với đối tác trong một giao dịch nào đó
  - Quy định về nhãn mác
  - Trọ cấp xuất khẩu
- www.company.com

---

---

---

---

---

---

---

---

### Hạn chế của lý lẽ “khắc phục các thất bại của thị trường”

- Khó xác định được mức độ của thất bại thị trường
- Chính phủ khó xác định được mức độ can thiệp
- Chính sách của chính phủ thường bị tác động bởi các lực lượng chính trị
- Bóp méo thị trường mà hiệu quả không cao

www.company.com

---

---

---

---

---

---

---

---

### Lý lẽ “khắc phục các thất bại của thị trường” (tiếp)

Chính phủ nên làm gì?

Lý thuyết về lựa chọn tốt nhất thứ nhất  
(First best theory)

Lý thuyết về lựa chọn tốt nhất thứ hai  
(Second best theory)

www.company.com

---

---

---

---

---

---

---

---

### Lý thuyết về lựa chọn tốt nhất thứ hai

- ❖ Thất bại của thị trường nội địa nên được sửa chữa bằng các chính sách nội địa – “lựa chọn thứ nhất”. Nếu vì lý do gì đó không thể thực hiện được điều này thì việc sử dụng các chính sách TM có thể là một “lựa chọn thứ hai”
- ❖ Chính sách nội địa nên được ưu tiên sử dụng trước vì chính sách thương mại có thể gây ra các tác động không lường trước đến nền kinh tế. Chi phí của chính sách thương mại hầu như luôn lớn hơn chính sách nội địa.
- ❖ Tuy nhiên, trên thực tế, chính sách thương mại thường được lựa chọn vì chi phí của nó ít rõ ràng hơn và công chúng không nhận thức được đầy đủ những tổn thất của họ.

www.company.com

---

---

---

---

---

---

---

---



### Lý lẽ “Bảo hộ thương mại do tác động chính trị”

- ❖ **Hành động tập thể (Collective action)**
  - Các chính sách bảo hộ thương mại gây ra thiệt hại lớn cho toàn bộ người tiêu dùng nhưng khi chia cho mỗi cá nhân thì tác động là không đáng kể -> cá nhân không có động cơ để thúc đẩy chính phủ đưa ra chính sách có lợi cho mình và cho toàn xã hội
  - Số lượng người sản xuất là tương đối nhỏ nên lợi ích từ chính sách bảo hộ thương mại khi chia cho từng nhà sản xuất là rất lớn -> nhóm này có động cơ mạnh mẽ để thúc đẩy chính phủ đưa ra chính sách có lợi cho họ (nhưng thiệt cho toàn xã hội!)
- ❖ Các chính sách bị tác động bởi những nhóm lợi ích này thông qua vận động hành lang, đóng góp tài chính (đặc biệt trong thời gian bầu cử,...)

www.company.com

---

---

---

---

---

---

---

---

### Một số lý lẽ khác

- Lý lẽ “Bảo vệ văn hoá, lối sống”
- Lý lẽ “Ngành công nghiệp non trẻ”
- Lý lẽ “Tài chính công cộng”
- Lý lẽ “Phân phối thu nhập”

www.company.com

---

---

---

---

---

---

---

---

### Một số ý kiến phản đối tự do hóa thương mại từ các nước đang phát triển

- Các nước phát triển: thu được mọi lợi ích từ công nghiệp và thương mại
  - Lực lượng lao động được đào tạo
  - Sáng kiến tăng
  - Mang lại giá trị cao và ổn định cho XK
- Các nước đang phát triển:
  - Sản xuất và xuất khẩu sản phẩm thô
  - Giá trị gia tăng thấp
  - Lạc hậu và lệ thuộc

→ *Cần thay đổi mô hình thương mại*

www.company.com

---

---

---

---

---

---

---

---

### Tuy nhiên,

- Không cần loại bỏ lý thuyết thương mại truyền thống vì:
  - Mô hình phát triển được xác định lại mỗi khi điều kiện cơ bản thay đổi
  - Khi tích lũy đủ vốn, công nghệ
    - các nước đang phát triển sẽ có lợi thế so sánh trong sản xuất các sản phẩm công nghiệp chế tạo
    - có thể chuyển từ sản xuất sản phẩm cấp thấp lên cấp cao
- • -> thu được lợi ích nhiều hơn từ tự do hóa TM

www.company.com

---

---

---

---

---

---

---

---

### Làn sóng phản đối tự do hóa thương mại ở các nước phát triển

- **Làn sóng phản đối tự do thương mại và toàn cầu hóa tại Mỹ**
  - Thất nghiệp đối với lao động tay nghề thấp, “blue-collar”  
*Dệt may: Costa Rica, giấy thẻ thao: Philippines, thép: Brazil, đồ điện tử: Malaysia, ...*
  - Hội nghị Bộ trưởng WTO lần thứ 3 (Seattle, 1999)
- **Tuy nhiên, lý lẽ của các nhà kinh tế**
  - “white-collar”, lao động tay nghề cao sẽ có nhiều cơ hội tại Mỹ
  - máy tính được lắp ráp tại Malaysia, nhưng thiết kế tại Silicon Valley...

www.company.com

---

---

---

---

---

---

---

---

### Làn sóng phản đối tự do hóa thương mại ở các nước phát triển (tiếp)

- Gần đây, các công việc đòi hỏi kiến thức, tay nghề cao cũng được chuyển sang các nước khác (outsourcing)
  - ✓ 2002, 2003: Bank of America cắt giảm 5000 lao động trong ngành công nghệ thông tin
  - ✓ Accenture – một công ty tư vấn và công nghệ lớn của Mỹ - chuyển 5000 công việc phát triển phần mềm và kế toán sang Philippines
- Lợi ích thu được
  - Đối với các công ty: cắt giảm chi phí
  - Đối với các nước đang phát triển: tăng việc làm

www.company.com

---

---

---

---

---

---

---

---

### Làn sóng phản đối thương mại tự do ở các nước phát triển (tiếp)

❖ Một số cá nhân sẽ thiệt thòi song toàn bộ nước Mỹ sẽ có lợi:

- Hầu hết các công việc quản lý, R&D... mà Mỹ có lợi thế sẽ không mất đi
- Người tiêu dùng Mỹ sẽ mua được hàng hóa rẻ hơn
- Người tiêu dùng ở các nước đang phát triển sẽ mua hàng hóa Mỹ nhiều hơn

www.company.com

---

---

---

---

---

---

---

### Phần 1: Quan hệ giữa TMQT và sự phát triển kinh tế

Lý thuyết thương mại và sự phát triển

Vai trò của TMQT đối với sự phát triển kinh tế

Thực tiễn TMQT

www.company.com

---

---

---

---

---

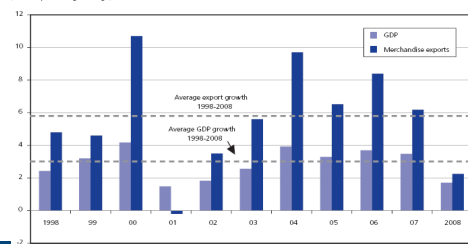
---

---

### Từ 1945, thương mại quốc tế tăng nhanh hơn thu nhập thế giới

- Thương mại quốc tế tăng nhanh hơn so với tốc độ tăng trưởng GDP thế giới

Chart 3  
Growth in the volume of world merchandise trade and GDP, 1998-2008  
(Annual percentage change)



www.company.com

---

---

---

---

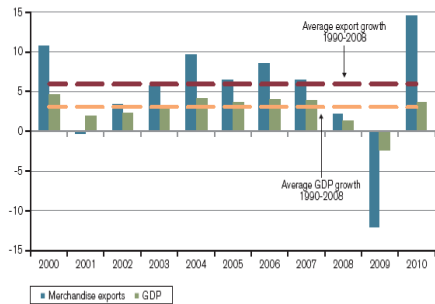
---

---

---

## Từ 1945, thương mại quốc tế tăng nhanh hơn thu nhập thế giới (tiếp)

Figure 1: Growth in Volume of World Merchandise Trade and GDP, 2000-2008 (Annual percentage change)



## Cơ cấu địa lý trong thương mại thay đổi

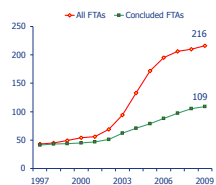
- Thương mại giữa các nước láng giềng tăng



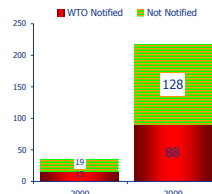
## Cơ cấu địa lý trong TMQT thay đổi (tiếp)

### Tốc độ tăng các FTA tại châu Á

Số lượng FTA tại châu Á



Các FTA của châu Á đã được thông báo cho WTO



\*Includes concluded FTAs, FTAs under official negotiation, and proposed FTAs in Asia and the Pacific.  
Source: ADB FTA Database, [www.adb.org](http://www.adb.org) (data as of June 2009)

## Cơ cấu mặt hàng thay đổi

- Tỷ trọng thương mại dịch vụ tăng lên trong tổng thương mại hàng hoá dịch vụ
- Sản phẩm sơ chế ngày càng giảm
- Thương mại hàng chế tạo tăng, giảm hàng nông nghiệp

www.company.com

Vai trò của các nước đang phát triển ngày càng gia tăng trong TMQT, đặc biệt là sự trỗi dậy của Trung Quốc

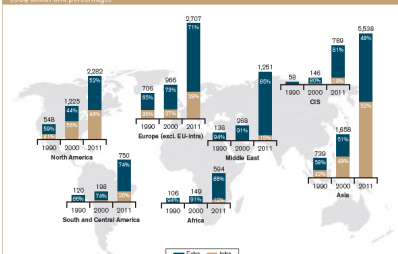
Appendix Table 3: Merchandise trade: leading exporters and importers, 2013 (US\$ billion and percentage)

Rank	Exporters	Value	Share	Annual % change	Rank	Importers	Value	Share	Annual % change
1	China	2,209	11.7	8	1	United States	2,209	12.3	0
2	United States	1,980	8.4	2	2	China	1,950	10.9	7
3	Germany	1,653	7.7	3	3	Germany	1,180	6.5	2
4	Japan	715	3.8	-10	4	Japan	833	4.4	-6
5	Netherlands	672	3.6	3	5	France	681	3.6	1
6	France	580	3.1	2	6	United Kingdom	620	3.5	-5
7	Korea, Republic of	560	3.0	2	7	Hong Kong, China	620	3.5	12
8	United Kingdom	542	2.9	15		retained imports	141	0.7	4
9	Hong Kong, China	536	2.8	9	8	Netherlands	590	3.1	0
	domestic exports	29	0.1	-11	9	Korea, Republic of	516	2.7	-1
	re-exports	516	2.7	10	10	Italy	477	2.5	-2
10	Russian Federation	523	2.8	-1	11	Canada*	474	2.5	0
11	Italy	518	2.8	3	12	India	486	2.5	-5
12	Belgium	458	2.5	5	13	Belgium	451	2.4	-3
13	Canada	408	2.4	1	14	Mexico	391	2.1	3
14	Singapore	410	2.2	0	15	Singapore	373	2.0	-2
	domestic exports	219	1.2	-4		retained imports	182	1.0	-9
	re-exports	191	1.0	6	16	Russian Federation	343	1.9	2
15	Mexico	380	2.0	3	17	Spain	339	1.8	0
16	United Arab Emirates*	379	2.0	9	18	Chinese Taipei	270	1.4	0
17	South Africa, Kingdom of	378	2.0	-3	19	Turkey	252	1.3	6
18	Spain	317	1.7	7	20	United Arab Emirates*	251	1.3	11
19	India	313	1.7	6	21	Thailand	251	1.3	0

ny.com

Châu Á: trở thành trung tâm trong TMQT, thương mại nội vùng tăng

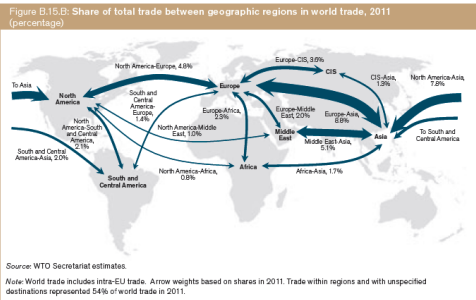
Figure B.14: Intra-regional and extra-regional merchandise exports of WTO regions, 1990-2011 (US\$ billion and percentage)



Sources: WTO International Trade Statistics 2012, supplemented with Secretariat estimates prior to 2000.  
Note: Graphs for regions are not shown to scale. Colours and boundaries do not imply any judgement on the part of the WTO as to the legal status of any territory or territory.

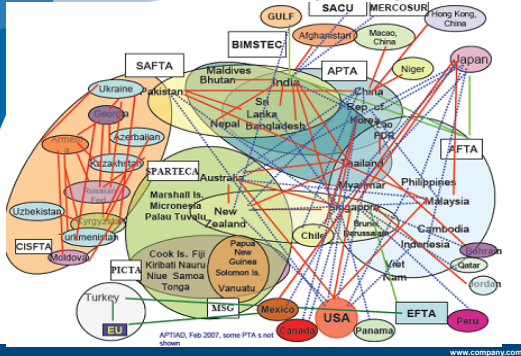
www.company.com

## Châu Á: trở thành trung tâm trong TMQT, thương mại nội vùng tăng (tiếp)



Chuỗi giá trị toàn cầu (GVCs) ngày càng đóng vai trò quan trọng trong nền KT thế giới được thể hiện qua TM  
-> Cần quan tâm đến GTGT hơn là chỉ số liệu TM

## Xu hướng hợp tác trong TMQT – Hợp tác đa phương (WTO), khu vực (RTAs), song phương (BTAs)



## Nội dung chính

Mối quan hệ giữa thương mại quốc tế và sự phát triển kinh tế

Điều kiện thương mại và sự phát triển kinh tế

Các chiến lược phát triển kinh tế liên quan đến thương mại

www.company.com

---

---

---

---

---

---

---

---

## Phần 2: Điều kiện thương mại và sự phát triển kinh tế

Khái niệm điều kiện thương mại

Điều kiện thương mại ở các nước đang phát triển

Bài tập

www.company.com

---

---

---

---

---

---

---

---

## Khái niệm điều kiện thương mại (hàng đổi hàng)

### Khái niệm

- NBTOT - BTOT - TOT (Net Barter Terms of Trade)
- Tỷ lệ của chỉ số giá cả xuất khẩu so với chỉ số giá cả nhập khẩu

www.company.com

---

---

---

---

---

---

---

---

## Điều kiện thương mại thu nhập

### Khái niệm

- ITOT (Income Terms of Trade)
- Bảng tỷ lệ giữa chỉ số giá xuất khẩu so với chỉ số giá nhập khẩu nhân với lượng xuất khẩu trong kỳ nghiên cứu

---

---

---

---

---

---

---

---

## Công thức

- Điều kiện thương mại hàng hoá  

$$NBTOT = P_x / P_m \times 100$$
 $P_x$  : chỉ số giá xuất khẩu  
 $P_m$  : chỉ số giá nhập khẩu
- Điều kiện thương mại thu nhập I  

$$ITOT = P_x / P_m \times Q_{x1}$$
 $Q_x$  : chỉ số khối lượng xuất khẩu kỳ nghiên cứu

---

---

---

---

---

---

---

---

## Công thức

$$TOT = \frac{P_x}{P_m} \times 100$$

$$P_x = \frac{\sum P_{xi1} \times Q_{xi0}}{\sum P_{xi0} \times Q_{xi0}}$$

$$P_m = \frac{\sum P_{mi1} \times Q_{mi0}}{\sum P_{mi0} \times Q_{mi0}}$$

$P_x$ : Chỉ số giá hàng xuất khẩu  
 $P_m$ : Chỉ số giá hàng nhập khẩu

$P_{xi1}$ : Giá hàng hóa xuất khẩu i ở năm nghiên cứu  
 $P_{xi0}, Q_{xi0}$ : Giá và lượng hàng hóa xuất khẩu i ở năm gốc

$P_{mi1}$ : Giá hàng hóa nhập khẩu i ở năm nghiên cứu  
 $P_{mi0}, Q_{mi0}$ : Giá hàng hóa nhập khẩu i ở năm gốc

---

---

---

---

---

---

---

---



### Ví dụ 1

- Năm 1990 là năm cơ sở: N = 100%
- Năm 2000:
  - P<sub>x</sub> của quốc gia giảm 10% (P<sub>x</sub> = 90%)
  - P<sub>m</sub> của quốc gia tăng 10% (P<sub>m</sub> = 110%)
- Điều kiện thương mại NBTOT của năm 2000 là

$$NBTOT = \frac{P_x}{P_m} \times 100 = \frac{90}{110} \times 100 = 81,82\%$$

- Ý nghĩa:
  - Từ năm 1990 đến năm 2000, mức giá cả xuất khẩu của quốc gia giảm 18,18% so với mức giá nhập khẩu
  - TOT của quốc gia giảm sút
  - => Quốc gia ở vào vị trí bất lợi, thu nhập tính bằng lượng hàng hóa nhập khẩu giảm

www.company.com

---

---

---

---

---

---

---

---

### Ý nghĩa điều kiện thương mại hàng đổi hàng

**Ý nghĩa**

- Tiềm lực, vị trí của quốc gia trong thương mại quốc tế
- Ảnh hưởng của TMQT đến thu nhập quốc gia tính theo hàng hoá nhập khẩu nước ngoài

www.company.com

---

---

---

---

---

---

---

---

### Ý nghĩa điều kiện thương mại hàng đổi hàng (tiếp)

- Một quốc gia đang ở vào vị trí thuận lợi hay bất lợi trong thương mại quốc tế khi gặp biến động về giá cả.
  - T > 1 hay 100% => thuận lợi (giá hàng xuất khẩu biến động thuận lợi hơn)
  - T < 1 hay 100% => bất lợi
  - T = 1 hay 100% => không tác động đến lợi ích
- Phản ánh lợi ích từ TMQT, phản ánh thay đổi thu nhập của quốc gia tính theo hàng hóa nhập khẩu của nước ngoài.
  - TOT tăng => lợi ích từ TMQT tăng, thu nhập của quốc gia tăng

www.company.com

---

---

---

---

---

---

---

---

### Ví dụ 1 (tiếp)

- Năm 1990 là năm cơ sở:  $N = 100\%$
- Năm 2000:
  - $P_x$  của quốc gia giảm 10% ( $P_x = 90\%$ )
  - $P_m$  của quốc gia tăng 10% ( $P_m = 110\%$ )
  - $Q_x$  tăng lên từ 100 lên 150 vào năm 2000
- Điều kiện thương mại thu nhập (ITOT) của năm 2000 là

$$ITOT = \frac{P_x}{P_m} \times Q_{x1} = \frac{90}{110} \times 150 = 122,73\%$$

- Ý nghĩa:
  - Từ năm 1990 đến năm 2000, khả năng nhập khẩu của quốc gia tính bằng doanh thu xuất khẩu tăng 22,73% mặc dù TOT giảm. Điều đó là do quốc gia tăng lượng xuất khẩu.

www.company.com

---

---

---

---

---

---

---

---

### Ý nghĩa điều kiện thương mại thu nhập

#### Ý nghĩa

- Xem xét khả năng nhập khẩu của quốc gia dựa vào doanh thu xuất khẩu
- ITOT tăng, khả năng nhập khẩu tăng
- ITOT giảm, khả năng nhập khẩu giảm

www.company.com

---

---

---

---

---

---

---

---

### Ví dụ 2

- Năm 2009: Việt Nam xuất khẩu được 1 triệu tấn gạo với giá 200 USD/tấn và nhập khẩu một xe ô tô từ Nhật Bản với giá 20.000 USD/chiếc.
- Năm 2010 Việt Nam xuất khẩu được một triệu tấn gạo nhưng với giá 240 USD/tấn và nhập khẩu từ Nhật Bản một chiếc ô tô với giá là 30.000 USD/chiếc. Trong trường hợp này, quốc gia nào gặp bất lợi và quốc gia nào được lợi khi giá cả trên thị trường thế giới thay đổi?

www.company.com

---

---

---

---

---

---

---

---

Phân 2: Điều kiện thương mại và sự phát triển kinh tế

Điều kiện thương mại

Điều kiện thương mại ở các nước đang phát triển

---

---

---

---

---

---

---

---

Những lý do dẫn đến NBTOT của các nước đang phát triển có xu hướng giảm

- Phản ứng với tăng năng suất (tăng năng suất được phản ánh bằng việc giảm giá hàng hoá hay tăng lương)
- Cơ cấu xuất nhập khẩu của các nước đang phát triển
- Nhu cầu: Nhu cầu về nông sản tăng chậm và dễ bị thay thế
- Người lao động có thu nhập thấp: Lao động tay nghề thấp là chủ yếu
- Bán sản phẩm sản xuất ra với giá rẻ: Do chi phí đầu vào thấp
- Mua sản phẩm từ các nước phát triển với giá cao do chi phí cao, thương hiệu, chất lượng

=> Có phương hướng giải pháp để tăng lợi ích khi tham gia vào TMQT: điều chỉnh chính sách thương mại và chính sách vĩ mô

---

---

---

---

---

---

---

---

Xét về các nước phát triển

- Phản ứng với tăng năng suất
- Thu lợi từ nhiều góc độ
- Người lao động có thu nhập cao: trình độ, kiến thức, chuyên môn...
- Sản phẩm sản xuất ra bán với giá cao: sản phẩm có hàm lượng KHCN cao
- Mua sản phẩm với giá rẻ từ các nước đang phát triển: chủ yếu mua sản phẩm sơ chế, nguyên liệu từ các nước đang phát triển
- Tiến bộ công nghệ trong công nghiệp: giảm sử dụng đầu vào thô và sơ chế

---

---

---

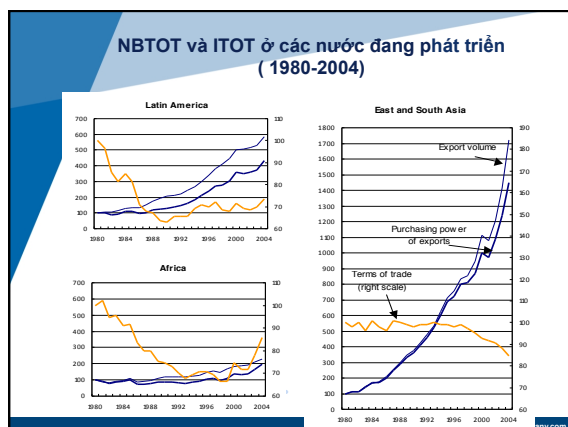
---

---

---

---

---




---

---

---

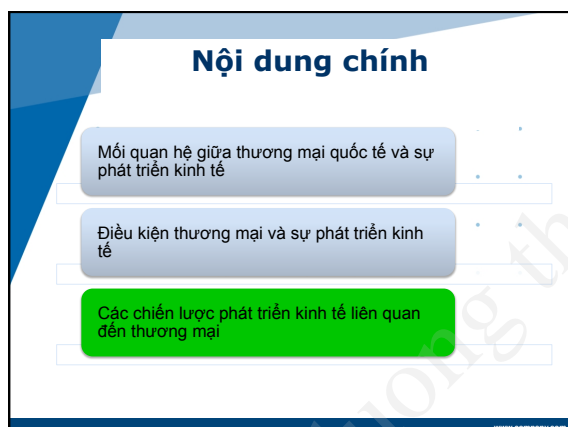
---

---

---

---

---




---

---

---

---

---

---

---

---




---

---

---

---

---

---

---

---

Cơ sở lý luận của ISI –  
Lý luận về ngành công nghiệp non trẻ

- ISI: Import Substitution Industrialization
- Infant Industry Argument
- Một nước có lợi thế so sánh ở một số ngành công nghiệp, song các ngành này còn non trẻ và chưa đủ sức cạnh tranh
- Chính phủ cần hỗ trợ các ngành này cho đến khi chúng có đủ sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế

www.company.com

---

---

---

---

---

---

---

---

Vấn đề của lý luận về ngành công nghiệp non trẻ

Lãng phí nguồn lực cho những ngành sẽ có "lợi thế cạnh tranh trong tương lai"

Được bảo hộ, các ngành công nghiệp non trẻ có thể sẽ không "lớn lên"

Khó đánh giá sự can thiệp của Chính phủ

Thâm hụt cán cân thanh toán

www.company.com

---

---

---

---

---

---

---

---

ISI – Hoàn cảnh ra đời

- Các nước áp dụng ISI: các nền kinh tế lớn của Mỹ La Tinh, một số nền kinh tế Đông Á (1950), các nước Đông Á khác từ những năm 1960, 1970.
- Sau WWII, đối với các nước mới giành được độc lập ở Mỹ La Tinh, ISI được xem là một chiến lược lý tưởng có thể giúp họ cùng một lúc đạt được nhiều mục tiêu
  - Độc lập hơn về kinh tế đối với những nước mới giành độc lập về chính trị
  - Tăng trưởng kinh tế và phát triển

www.company.com

---

---

---

---

---

---

---

---

### ISI – Nội dung

- Import substitution industrialization
- Hướng vào thị trường trong nước
- Ưu tiên sản xuất phục vụ thị trường nội địa nhằm thay thế nhập khẩu
- Sử dụng các biện pháp hạn chế nhập khẩu
  - Thuế quan cao
  - Hạn ngạch nhập khẩu
  - Hàng rào phi thuế quan
- Khuyến khích một chế độ kiểm soát tiền tệ và duy trì đồng nội tệ cao nhằm tạo thuận lợi cho nhập khẩu máy móc và linh, phụ kiện

www.company.com

---

---

---

---

---

---

---

### ISI – Đặc trưng

- Chính sách bảo hộ thị trường trong nước → độc quyền
- Chính sách tỷ giá cố định (hoặc nâng cao giá trị cho đồng tiền nội địa)
- Kiểm soát chính sách giá cả, thương mại, ngoại thương...
- Khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào công nghiệp chế tạo, Chính phủ đầu tư xây dựng hệ thống đường giao thông và sản xuất năng lượng.

www.company.com

---

---

---

---

---

---

---

### ISI – ưu điểm

- Thị trường có sẵn → mức độ rủi ro thấp
- Bảo hộ thị trường trong nước dễ thực hiện hơn đàm phán để các nước phát triển hạ thấp hàng rào thương mại
- Các nước phát triển sẽ đầu tư sản xuất vào các nước đang phát triển
- Giúp mở rộng sản xuất kinh doanh, tạo công ăn việc làm

www.company.com

---

---

---

---

---

---

---

### ISI – nhược điểm

- Độc quyền, sản xuất kém năng động
  - Quy mô thị trường nhỏ, không đạt được hiệu quả kinh tế nhờ quy mô
  - Khó xác định Chính sách thế nào là phù hợp
  - Đầu tư cho công nghệ chế tạo đòi hỏi vốn, công nghệ cao, chuyên gia giỏi → khó khăn đối với các nước đang phát triển
  - Phí tổn do những lệch lạc trong chính sách bảo hộ
- ⇒ Cuối thập niên 1980, ISI bị chỉ trích

www.company.com

---

---

---

---

---

---

---

### ISI – Đánh giá

ISI có thúc đẩy phát triển kinh tế?

Các nước tiến hành ISI tăng trưởng trung bình chậm hơn

Các ngành công nghiệp non trẻ không có sức cạnh tranh

Cuộc khủng hoảng nợ năm 1982

www.company.com

---

---

---

---

---

---

---

### Phần 3: Các chiến lược phát triển kinh tế liên quan đến thương mại

Chiến lược công nghiệp hoá dựa vào thay thế nhập khẩu (ISI)

Tự do hoá thương mại

Chiến lược công nghiệp hoá hướng vào xuất khẩu

www.company.com

---

---

---

---

---

---

---

### Sự thay đổi

Vấn đề của ISI và sự thay đổi trong quan điểm, nhận thức

Từ 1980s, nhiều quốc gia mất niềm tin vào ISI và bắt đầu tự do hóa thương mại

---

---

---

---

---

---

---

### Tự do hóa thương mại – đánh giá

Tự do hóa thương mại có khuyến khích phát triển kinh tế?

Thực tế chưa rõ ràng	Brazil và một số nước Mỹ La tinh tăng trưởng trong thời kỳ tự do hóa TM chậm hơn thời kỳ ISI	Nguyên nhân một phần do chính sách vĩ mô không ổn định và khủng hoảng tài chính 1980s	Những nước khác như Ấn Độ đã tăng trưởng cao hơn trong thời kỳ tự do hóa thương mại
----------------------	--	---	---

---

---

---

---

---

---

---

### Tăng trưởng thương mại của các nước đang phát triển

**Figure 10-1**  
**The Growth of Developing-Country Trade**  
Liberalization and developing-country trade: Trade liberalization after 1985 led to a surge in both imports and exports as a percentage of GDP.  
Source: World Bank.

---

---

---

---

---

---

---



# Nghiên cứu tình huống: Mexico

1. Đặc trưng của ISI tại Mexico những năm 1950-1960?
2. Mexico đã thay đổi chính sách như thế nào?
3. Sự thay đổi này đạt được những thành tựu gì?
4. Chính sách nào tốt hơn đối với Mexico?

• • • • • • • • • •

www.company.com

- [illegible]

```
graph TD; A[Chiến lược công nghiệp hoá dựa vào thay thế nhập khẩu (ISI)] --> B[Tự do hoá thương mại]; B --> C[Chiến lược công nghiệp hoá hướng vào xuất khẩu (EOI)];
```

Chiến lược công nghiệp hoá dựa vào thay thế nhập khẩu (ISI)

Tự do hoá thương mại

Chiến lược công nghiệp hoá hướng vào xuất khẩu (EOI)

[illegible]

The diagram illustrates the relationship between the EOI (Export-Oriented Industrialization) theory and the 'Free Market' school of thought. It features a central box labeled 'Trường phái “chủ nghĩa tự do mới”' (New Free Market School of Thought). To the left, a vertical line connects this central box to two smaller boxes below it. The top box contains the text 'Lợi thế so sánh → chuyên môn hóa → thương mại' (Comparative Advantage → Specialization → Trade). The bottom box contains the text 'đề cao vai trò của lực lượng thị trường → khuyến khích kinh tế thị trường tự do và mở cửa.' (Emphasizing the role of market forces → encouraging free market economy and opening up).

**Cơ sở lý luận của EOI (Export-Oriented Industrialization)**

**Trường phái “chủ nghĩa tự do mới”**

Lợi thế so sánh → chuyên môn hóa → thương mại

đề cao vai trò của lực lượng thị trường → khuyến khích kinh tế thị trường tự do và mở cửa.

[illegible]

EOI– Hoàn cảnh ra đời

Nhiều nước ĐPT chuyển từ ISI sang EOI

Các nền kinh tế Đông Á: Nhật Bản, 4 con rồng châu Á (Hàn Quốc, Đài Loan, Singapore, Hồng Kông) vào đầu những năm 1960)

Hàng loạt các nước ĐPT khác như Chile, Argentina, Braxin, Indonesia, Thái Lan, Malaysia... (những năm 1970)

Một số nước đã đạt tốc độ phát triển kinh tế cao (trên 10%/năm) được Ngân hàng Thế giới gọi là “những nền kinh tế hiệu quả cao Châu Á”

---

---

---

---

---

---

---

---

EOI - Nội dung

- Tập trung phát triển các ngành phục vụ xuất khẩu
- Hướng ra thị trường thế giới
  - So sánh kim ngạch XK với GDP
    - > 50% : quốc gia hướng về xuất khẩu
    - < 50% : hướng về nội địa
- Biện pháp chính sách thương mại
  - Bảo hộ thấp
  - Khuyến khích và hỗ trợ xuất khẩu

---

---

---

---

---

---

---

---

EOI – Đặc trưng

- Thực hiện các chính sách khuyến khích xuất khẩu hàng hoá nhằm
  - phát huy lợi thế so sánh, tham gia sâu rộng vào phân công lao động quốc tế
  - lấy ngoại tệ từ xuất khẩu để nhập khẩu máy móc và kỹ thuật, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại hoá
- Khuyến khích thu hút các nguồn vốn nước ngoài (gồm vốn ODA, vốn FDI và các nguồn vốn đầu tư gián tiếp khác) phục vụ xuất khẩu.
- Thành lập các đặc khu kinh tế, các khu chế xuất, các khu mậu dịch tự do.

---

---

---

---

---

---

---

---

CuuDuongThanCong.com

<https://fb.com/tailieudientucntt>



---

---

---

---

---

---

---



---

---

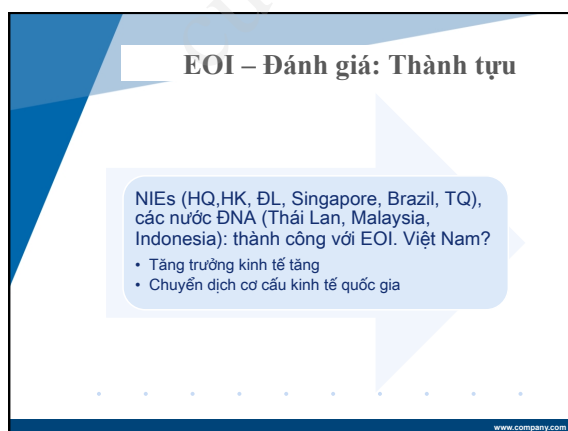
---

---

---

---

---



---

---

---

---

---

---

---

**EOI – Đánh giá: một số hạn chế**

Cạnh tranh gay gắt, áp lực giảm giá → suy giảm ĐKTM

Lao động ở các nước ĐPT trở thành nạn nhân của những công việc nặng nhọc, lương thấp

Thất nghiệp

Doanh nghiệp và hộ nông nghiệp sản xuất nhỏ bị gạt ra ngoài lề

Khai thác quá mức tài nguyên

www.company.com

---

---

---

---

---

---

---

---

**Nghiên cứu trường hợp: Singapore**

**Singapore ngày nay**

- Quốc gia phát triển nhất Đông Nam Á
- Thu nhập bình quân đầu người ở mức cao trên thế giới (khoảng 55.000 USD năm 2013)
- Trung tâm sản xuất đồ điện tử bán dẫn và mạch vi điện tử
- Các ngành công nghiệp chủ lực hướng mạnh về XK: lọc dầu và sản phẩm hóa dầu, đóng tàu, thiết bị phương tiện vận tải, điện tử...
- Nền ngoại thương hùng mạnh: là trung tâm chuyển khẩu lớn của khu vực, cầu nối giữa các nước phát triển với Đông Nam Á

www.company.com

---

---

---

---

---

---

---

---

**HẾT CHƯƠNG 6**

www.company.com

---

---

---

---

---

---

---

---